

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐẠI HỌC HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 279 /QĐ-DHH

Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 3 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất  
thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng tại Đại học Huế**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ**

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của ông Khoa Trưởng Khoa Giáo dục thể chất nêu trong Tờ trình ngày 01 tháng 12 năm 2015 về việc soạn thảo chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng tại Đại học Huế;

Xét đề nghị của ông Trưởng ban Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

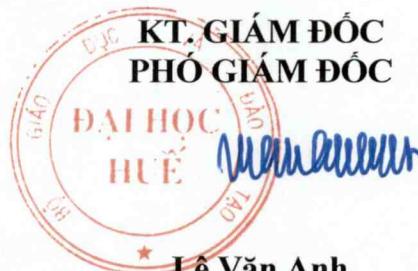
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng tại Đại học Huế.

**Điều 2.** Chương trình môn học nêu ở Điều 1 Quyết định này được áp dụng để tổ chức đào tạo từ khóa tuyển sinh 2016.

**Điều 3.** Các ông/bà Chánh văn phòng, Trưởng các ban chức năng có liên quan của Đại học Huế và Khoa Trưởng Khoa Giáo dục thể chất chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

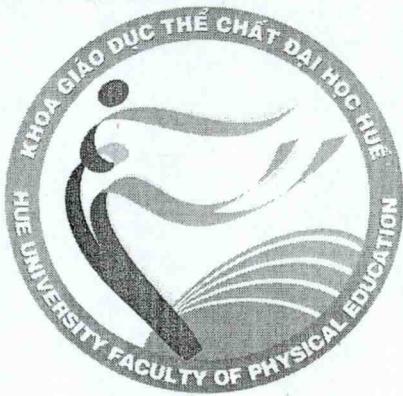
**Noi nhận:**

- Như Điều 3;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc DHH;
- Lưu: VT, Ban ĐT.



Lê Văn Anh

**ĐẠI HỌC HUẾ  
KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT**



**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT  
THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ  
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TẠI ĐẠI HỌC HUẾ**

Trình độ đào tạo: Đại học, Cao đẳng

Huế, 03/2016

*Áp dụng từ tháng 03/2016*

Thừa Thiên Huế, ngày 01 tháng 12 năm 2015

## TỜ TRÌNH

Về việc soạn thảo chương trình môn học Giáo dục Thể chất  
thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng tại Đại học Huế

Kính gửi :

- Ban Giám đốc Đại học Huế;
- Ban Đào tạo Đại học Huế.

Căn cứ Thông tư: 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 624/QĐ-ĐHH-TCNS ngày 03/06/2005 của Giám đốc Đại học Huế quy định chức năng, nhiệm vụ của Khoa Giáo dục Thể chất;

Căn cứ Quyết định 1745/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2015 về việc uỷ quyền cho Khoa trưởng Khoa Giáo dục thể chất trực thuộc Đại học Huế được ký thừa uỷ quyền và đóng dấu Đại học Huế;

Thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển của Đại học Huế giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 1992/QĐ-ĐHH ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Giám đốc Đại học Huế, Khoa Giáo dục thể chất kính trình Giám đốc Đại học Huế, Ban Đào tạo Đại học Huế cho phép biên soạn chương trình môn học Giáo dục Thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng tại Đại học Huế thực hiện theo hệ thống tín chỉ. Chương trình được xây dựng phù hợp theo từng đối tượng người học, bậc học; nội dung chương trình môn học phù hợp với sức khỏe của từng đối tượng sinh viên và phù hợp với những điều kiện cơ sở vật chất hiện có của Khoa Giáo dục Thể chất;

Vậy, Khoa Giáo dục Thể chất kính trình Ban Đào tạo, Ban Giám đốc Đại học Huế xin ý kiến chỉ đạo và cho phép thực hiện để Khoa có cơ sở tổ chức, thực hiện đào tạo tín chỉ từ năm học 2016-2017.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Khoa GDTC,

KHOA TRƯỞNG



Bùi Hoàng Phúc

**CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH  
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TẠI ĐẠI HỌC HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-DHH ngày tháng năm 2016 của  
Giám đốc Đại học Huế)

**Tên chương trình:** Chương trình môn học Giáo dục Thể chất

**Trình độ đào tạo:** Đại học, cao đẳng

(Chương trình áp dụng từ khóa tuyển sinh 2016 trở về sau)

**Căn cứ xây dựng chương trình:**

- Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường;

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chương trình môn học Giáo dục Thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;

- Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

- Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

- Quyết định 1395/QĐ-DHH ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức và hoạt động của Khoa Giáo dục Thể chất – Đại học Huế;

**I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**1. Mục tiêu và yêu cầu chương trình môn học**

**1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình môn học Giáo dục thể chất nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích

cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và văn hóa xã hội; phát triển hài hòa về thể lực và tư duy, có thể chất cường tráng, đáp ứng theo yêu cầu xã hội.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **1.2.1. Về nhận thức**

- Giáo dục đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa và tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Rèn luyện tinh thần tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật, xây dựng niềm tin, lối sống tích cực lành mạnh, tinh thần tự giác học tập, rèn luyện thân thể, chuẩn bị sẵn sàng phục vụ sản xuất và bảo vệ Tổ quốc.
- Giúp người học nhận thức tầm quan trọng của việc rèn luyện thân thể và phát triển thể chất cho bản thân.
- Nâng cao năng lực nghề nghiệp, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động thể dục thể thao (TDTT) của nhà trường và xã hội.

#### **1.2.2. Về kiến thức Thể dục thể thao.**

Chương trình trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cụ thể như sau:

- Kiến thức chung: Một số nội dung cơ bản về lý luận và phương pháp thể dục thể thao, Y học TDTT, Sinh cơ TDTT, Sinh hóa TDTT...
- Kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện một số môn thể thao phổ cập.
- Một số phương pháp cơ bản tổ chức tập luyện, tổ chức thi đấu, một số điều luật cơ bản, trọng tài và hướng dẫn hoạt động thể dục thể thao.
- Phương pháp tự học và tự tổ chức tập luyện theo nhóm (*hoạt động TDTT ngoại khoá không có hướng dẫn*).
- Vai trò và tác dụng của thể dục thể thao đối với sức khoẻ.

#### **1.2.3. Về kỹ năng thực hành và trình độ thể chất**

Người học đạt được các yêu cầu sau:

- Thực hiện được kỹ thuật (KT) cơ bản các môn thể thao thuộc chương trình môn học.
- Kỹ năng tự tập luyện và có thể thi đấu một số môn thể thao.
- Kỹ năng tổ chức các hoạt động giao lưu, thể dục thể thao
- Hoàn thành yêu cầu môn học và kết quả các học phần phải đạt điểm C trở lên.

### **1.3. Yêu cầu**

Chương trình đào tạo chứng chỉ Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên không chuyên ngành Thể dục Thể thao các Trường, Khoa, Phân hiệu trực thuộc Đại học Huế được xây dựng trên cơ sở nội dung của khung chương trình môn học Giáo dục thể chất do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; chương trình môn học GDTC đào tạo theo hệ thống niên chế và điều kiện thực tế về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, sân bãi luyện tập của Khoa Giáo dục Thể chất – Đại học Huế;

Nội dung chương trình quy định về mức độ kiến thức và kỹ năng của một số môn thể thao và mức độ về phát triển thể chất mà người học phải đạt được trong quá trình học tập môn Giáo dục thể chất.

## 2. Nội dung chương trình môn học Giáo dục thể chất

- Cung cấp cho người học các kỹ thuật, kỹ năng cơ bản của môn học và phát triển các tố chất vận động.

- Quy định về yêu cầu, kiểm tra đánh giá kết quả học tập;

- Quy định về nội dung và kế hoạch giảng dạy;

- Các học phần phải có đề cương chi tiết thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và thực hành, phục vụ học phần.

### a. Phần lý thuyết

- Yêu cầu: Nắm được nội dung cơ bản trong các học phần của chương trình; Hiểu biết một số điều luật thi đấu cơ bản nhất của môn học.

### b. Phần thực hành

+ Học phần bắt buộc:

- Yêu cầu: Nắm được nội dung cơ bản học phần giáo dục thể chất bắt buộc của chương trình; biết luật thi đấu, phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.

- Mô tả các học phần: Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn chạy, điều luật cơ bản, phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.

+ Học phần tự chọn:

- Yêu cầu: Nắm được nội dung cơ bản học phần GDTC tự chọn của chương trình; biết Luật thi đấu, biết phương pháp tự tập luyện kỹ thuật, chiến thuật nhằm nâng cao thành tích thể thao môn tự chọn.

- Mô tả các học phần: Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn Chạy cự ly ngắn (50m), cự ly trung bình (1000m Nam, 500m Nữ), bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném, cờ vua, nhảy cao nhảy xa, thể dục dụng cụ, thể dục tay không phù hợp với sở thích và nguyện vọng cá nhân; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện nâng cao thành tích thể thao môn tự chọn.

## 3. Khối lượng tích lũy môn học Giáo dục thể chất

Chương trình được thực hiện với khối lượng của mỗi bậc học;

1. Đối với sinh viên bậc đại học hệ chính quy: phải tích lũy đủ 04 tín chỉ GDTC, trong đó 01 tín chỉ bắt buộc và 03 tín chỉ tự chọn;

2. Đối với sinh viên bậc cao đẳng hệ chính quy: phải tích lũy đủ 03 tín chỉ GDTC, trong đó 01 tín chỉ bắt buộc và 02 tín chỉ tự chọn;

## 4. Thời gian đào tạo

Chương trình được thiết kế gồm 120 tiết đối với đại học được phân phối cho 04 học kỳ (ứng với 04 học phần), 90 tiết đối với cao đẳng được phân phối cho 03 học kỳ (ứng với 03 học phần); 01 tiết là 50 phút. Mỗi học kỳ được bố trí (01 tín chỉ thực hành) tương đương 30 tiết, không được trùng lặp nhau về nội dung môn học giữa các học phần.

- Giảng dạy thực hành Chạy cự ly ngắn (50m),  
cự ly trung bình (1000m Nam, 500m Nữ)

(01 tín chỉ)

2. Giảng dạy thực hành Bóng rổ (01 tín chỉ)  
 3. Giảng dạy thực hành Bóng chuyền (01 tín chỉ)  
 4. Giảng dạy thực hành Bóng đá (01 tín chỉ)  
 5. Giảng dạy thực hành Bóng ném (01 tín chỉ)  
 6. Giảng dạy thực hành Cờ vua (01 tín chỉ)  
 7. Giảng dạy thực hành Nhảy cao, Nhảy xa (01 tín chỉ)  
 8. Giảng dạy thực hành Thể dục tay không (01 tín chỉ)  
 9. Giảng dạy thực hành Thể dục dụng cụ (01 tín chỉ)
- 5. Cấu trúc chương trình môn học**

**5.1. Chương trình môn học GDTC dành cho sinh viên đại học nhóm sức khỏe bình thường:**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
<b>I CÁCH HỌC PHẦN BẮT BUỘC (01 Tín chỉ)</b>						
1	Giảng dạy thực hành Chạy cự ly ngắn (50m), cự ly trung bình (1000m Nam, 500m Nữ)	ĐK.1011	1	0	1	Bắt buộc
<b>II CÁCH HỌC PHẦN TỰ CHỌN (Chọn tối thiểu 03/08 Tín chỉ)</b>						
1	Giảng dạy thực hành Bóng rổ	BR.2011	1	0	1	Tự chọn
2	Giảng dạy thực hành Bóng chuyền	BC.2011	1	0	1	Tự chọn
3	Giảng dạy thực hành Bóng đá	BD.2011	1	0	1	Tự chọn
4	Giảng dạy thực hành Bóng ném	BN.2011	1	0	1	Tự chọn
5	Giảng dạy thực hành Cờ vua	CV.2011	1	0	1	Tự chọn
6	Giảng dạy thực hành Nhảy cao, Nhảy xa	CX.2011	1	0	1	Tự chọn
7	Giảng dạy thực hành Thể dục tay không	TD1.2011	1	0	1	Tự chọn
8	Giảng dạy thực hành Thể dục dụng cụ	TD2.2011	1	0	1	Tự chọn

**5.2. Chương trình môn học GDTC dành cho sinh viên cao đẳng nhóm sức khỏe bình thường:**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
<b>I CÁCH HỌC PHẦN BẮT BUỘC (01 Tín chỉ)</b>						
1	Giảng dạy thực hành Chạy cự ly ngắn (50m), cự ly trung bình (1000m Nam, 500m Nữ)	ĐK.1011	1	0	1	Bắt buộc
<b>II CÁCH HỌC PHẦN TỰ CHỌN (Chọn tối thiểu 02/08 tín chỉ)</b>						
1	Giảng dạy thực hành Bóng rổ	BR.2011	1	0	1	Tự chọn
2	Giảng dạy thực hành Bóng chuyền	BC.2011	1	0	1	Tự chọn
3	Giảng dạy thực hành Bóng đá	BD.2011	1	0	1	Tự chọn
4	Giảng dạy thực hành Bóng ném	BN.2011	1	0	1	Tự chọn
5	Giảng dạy thực hành Cờ vua	CV.2011	1	0	1	Tự chọn
6	Giảng dạy thực hành Nhảy cao, Nhảy xa	CX.2011	1	0	1	Tự chọn
7	Giảng dạy thực hành Thể dục tay không	TD1.2011	1	0	1	Tự chọn
8	Giảng dạy thực hành Thể dục dụng cụ	TD2.2011	1	0	1	Tự chọn

### **5.3. Chương trình môn học GDTC dành cho sinh viên khuyết tật, nhóm sức khỏe yếu:**

Sinh viên là người khuyết tật hoặc không đủ sức khỏe sẽ được học chương trình môn học Giáo dục thể chất dành riêng cho nhóm sức khỏe yếu;

Nếu không tham gia học được phải có giấy xác nhận của bệnh viện, cơ quan Y tế cấp huyện, thị trấn sẽ được Khoa Giáo dục Thể chất trình Giám đốc Đại học Huế xem xét quyết định cho miễn học chương trình GDTC theo thông tư số 42/2013/ TT-LT-BGDDT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013;

- *Chương trình môn học GDTC dành cho sinh viên đại học bị khuyết tật, nhóm sức khỏe yếu:*

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/Tự chọn
1	Giáo dục thể chất trong trường Đại học	LL.011	1	1	0	Bắt buộc
2	Giảng dạy thực hành Cờ vua	CV.001	1	0	1	Bắt buộc
3	Giảng dạy thực hành Trò chơi vận động	VĐ.001	1	0	1	Bắt buộc
4	Giảng dạy thực hành Thể dục tay không	TD1.001	1	0	1	Bắt buộc

- *Chương trình môn học GDTC dành cho sinh viên cao đẳng bị khuyết tật, nhóm sức khỏe yếu:*

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/Tự chọn
1	Giáo dục thể chất trong trường Đại học	LL.011	1	1	0	Bắt buộc
2	Giảng dạy thực hành Cờ vua	CV.001	1	0	1	Bắt buộc
3	Giảng dạy thực hành Trò chơi vận động	VĐ.001	1	0	1	Bắt buộc

## **6. Tổ chức đào tạo**

### **6.1. Đối tượng đào tạo**

- Sinh viên Đại học hệ chính quy tập trung (khối không chuyên ngành TDTT thuộc Đại học Huế) học 04 học phần tương đương (04 tín chỉ thực hành).

- Sinh viên Cao đẳng hệ chính quy tập trung (khối không chuyên ngành TDTT thuộc Đại học Huế) học 03 học phần tương đương (03 tín chỉ thực hành).

### **6.2. Đánh giá và công nhận kết quả học tập**

#### **6.2.1. Đánh giá và xếp loại**

Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được tính như sau: Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia học tập, điểm chuyên cần (20%); điểm thi giữa học phần (20%); điểm thi kết thúc học phần (60%).

+ Cách tính điểm đánh giá:

6.2.1.1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

6.2.1.2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

A (8,5 - 10) Giỏi

B (7,0 - 8,4) Khá

C (5,5 - 6,9) Trung bình

D (4,0 - 5,4) Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được Giám đốc Đại học Huế cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

6.2.1.3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

6.2.1.4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

6.2.1.5. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Tổ Đào tạo Khoa học Hợp tác quốc tế của Khoa Giáo dục Thể chất chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ cán bộ giảng viên.

6.2.1.6. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

#### 6.2.2 *Cách tính điểm trung bình chung*

Để tính điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A tương ứng với 4

B tương ứng với 3

C tương ứng với 2

D tương ứng với 1

F tương ứng với 0

Điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n (a_i \cdot n_i)}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$  là điểm của học phần thứ 1

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ 1

n là tổng số học phần.

Điểm học phần và điểm trung bình chung tích lũy để xếp hạng loại học lực cấp chứng chỉ, công nhận kết quả học tập được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

### 6.2.3. Hoàn thành môn học Giáo dục thể chất

- Sinh viên có điểm từng học phần của 04 học phần Giáo dục thể chất gồm (01 học phần bắt buộc và 03 phần tự chọn) đạt từ điểm C trở lên theo thang điểm 4 (tương đương 5.5 trở lên theo thang điểm 10).

### 6.2.4. Công nhận kết quả học tập

- Giám đốc Đại học Huế công nhận kết quả học tập cho sinh viên sau khi hoàn thành chương trình môn học Giáo dục thể chất.

## 7. Tổ chức thực hiện

- Trong trường hợp sinh viên đang tham gia học tập nhưng có vấn đề về sức khỏe: sinh viên có giấy chứng nhận về sức khỏe yếu của cơ quan y tế từ cấp Huyện, Thị trở lên tùy vào mức độ ảnh hưởng, giảng viên hướng dẫn sinh viên học lý thuyết hoặc giảm nhẹ lượng vận động để thi kết thúc học phần; Trường hợp mức độ khuyết tật nặng Tổ Đào tạo Khoa học Hợp tác quốc tế hoàn chỉnh hồ sơ để Khoa trưởng Khoa GDTC trình Giám đốc Đại học Huế quyết định cho miễn học chương trình GDTC theo quy định hiện hành.

- Đối với sinh viên bình thường (nhóm sức khỏe tốt): tiến hành giảng dạy, kiểm tra và đánh giá theo quy định

## II. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã học phần	Nội dung chương trình	Số Tín chỉ	Phân phối chương trình			
				HK1	HK2	HK3	HK4
<b>A. Học phần bắt buộc</b>							
I	ĐK.1011	Giảng dạy thực hành Chạy cự ly ngắn (50m), cự ly trung bình (1000m Nam, 500m Nữ)	01				
1		Nhập môn					
2		Kỹ thuật chạy cự ly ngắn (50m)					
3		Kỹ thuật chạy cự ly trung bình (Nam 1000m; Nữ 500m)					
<b>B. Học phần tự chọn</b>							
II	TD1.2011	Giảng dạy thực hành Thể dục dụng cụ Xà kép đối với nam, Xà lệch đối với nữ.	01				
1		Nhập môn					
2		Bài liên hoàn					
III	TD2.2011	Giảng dạy thực hành Thể dục tay không gồm 50 động tác	01				
1		Nhập môn					
2		Bài liên hoàn					
IV	CX.2011	Giảng dạy thực hành Kỹ thuật Nhảy cao, Nhảy xa	01				
1		Nhập môn					
2		Kỹ thuật Nhảy cao					
3		Kỹ thuật Nhảy xa					
V	BC.2011	Giảng dạy thực hành Bóng chuyền	01				
1		Nhập môn					

2		Kỹ thuật Bóng chuyên				
<b>VI</b>	BD.2011	<b>Giảng dạy thực hành Bóng đá</b>	<b>01</b>			
1		Nhập môn				
2		Kỹ thuật Bóng đá				
<b>VII</b>	BR.2011	<b>Giảng dạy thực hành Bóng rổ</b>	<b>01</b>			
1		Nhập môn				
2		Kỹ thuật Bóng rổ				
<b>VIII</b>	BN.2011	<b>Giảng dạy thực hành Bóng ném</b>	<b>01</b>			
1		Nhập môn				
2		Kỹ thuật Bóng ném				
<b>IX</b>	CV.2011	<b>Giảng dạy thực hành Cờ vua</b>	<b>01</b>			
		Nhập môn				
		Kỹ thuật Cờ vua				

*Ghi chú: Tùy theo điều kiện sân bãi của Khoa GDTC để bố trí các môn học khác nhau ở các học kỳ khác nhau.*

### III. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Học hàm/ học vị	Ngạch	Ghi chú
1	Bùi Hoàng Phúc	Thạc sĩ	Giảng viên chính	
2	Đoàn Dũng	Cử nhân	Giảng viên	
3	Trần Phúc	Cử nhân	Giảng viên	
4	Lê Quang Dũng	Thạc sĩ	Giảng viên	Nghiên cứu sinh
5	Trần Lâm	Thạc sĩ	Giảng viên chính	
6	Phan Phuoc Mẫn	Cử nhân	Giảng viên	
7	Nguyễn Đình Duy Nghĩa	Thạc sĩ	Giảng viên	
8	Nguyễn Thái Sinh	Tiến sĩ	Giảng viên chính	
9	Nguyễn Gắng	Tiến sĩ	Giảng viên chính	
10	Dương Văn Dũng	Thạc sĩ	Giảng viên	Nghiên cứu sinh
11	Lê Anh Dũng	Thạc sĩ	Giảng viên	
12	Nguyễn Thế Tình	Thạc sĩ	Giảng viên	Nghiên cứu sinh
13	Lê Hải Yến	Thạc sĩ	Giảng viên	
14	Nguyễn Văn Tuấn	Thạc sĩ	Giảng viên	
15	Phan Thị Bích Thủy	Cử nhân	Giảng viên	
16	Phạm Đức Thạnh	Thạc sĩ	Giảng viên	
17	Nguyễn Việt Thông	Cử nhân	Giảng viên	
18	Nguyễn Thị Minh Huệ	Cử nhân	Giảng viên	
19	Hoàng Thị Loan	Cử nhân	Giảng viên	
20	Hồ Đăng Quốc Hùng	Thạc sĩ	Giảng viên	
21	Nguyễn Tuấn Khanh	Thạc sĩ	Giảng viên	
22	Trần Trung Kiên	Cử nhân	Giảng viên	Học viên cao học
23	Lê Thị Uyên Phương	Thạc sĩ	Giảng viên	
24	Nguyễn Thị Hương Ngọc Thảo	Cử nhân	Giảng viên	Học viên cao học
25	Lê Văn Thái	Cử nhân	Giảng viên	
26	Phạm Văn Hiếu	Thạc sĩ	Giảng viên	Nghiên cứu sinh
27	Nguyễn Thị Mùi	Cử nhân	Giảng viên	
28	Nguyễn Thị Tiểu My	Cử nhân	Giảng viên	Học viên cao học

29	Nguyễn Long Hải	Thạc sĩ	Giảng viên	
30	Nguyễn Đôn Vinh	Cử nhân	Giảng viên	
31	Nguyễn Mậu Hiển	Thạc sĩ	Giảng viên	
32	Trần Thị Thùy Linh	Thạc sĩ	Giảng viên	
33	Lê Trần Quang	Tiến sĩ	Giảng viên	
34	Nguyễn Phan Tiên Trung	Tiến sĩ	Giảng viên	
35	Lê Cát Nguyên	Thạc sĩ	Giảng viên	Nghiên cứu sinh
36	Trịnh Xuân Hồng	Thạc sĩ	Giảng viên	
37	Hoàng Trọng Anh Bảo	Thạc sĩ	Giảng viên	
38	Nguyễn Khắc Trung	Thạc sĩ	Giảng viên	
39	Nguyễn Anh Tú	Cử nhân	Giảng viên	Học viên cao học
40	Đỗ Văn Tùng	Thạc sĩ	Giảng viên	
41	Phạm Thị Mai	Cử nhân	Giảng viên	Học viên cao học
42	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Cử nhân	Giảng viên	
43	Nguyễn Đăng Hào	Thạc sĩ	Giảng viên	
44	Nguyễn Thanh Nguyên	Cử nhân	Giảng viên	Học viên cao học
45	Đoàn Kim Hoan	Cử nhân	Giảng viên	Học viên cao học
46	Nguyễn Văn Phú	Cử nhân	Giảng viên	Học viên cao học
47	Nguyễn Đôn Công Uy	Thạc sĩ	Giảng viên	
48	Trần Thanh Tú	Cử nhân	Giảng viên	
49	Nguyễn Nghĩa Đồng	Cử nhân	Giảng viên	
50	Nguyễn Thanh Sơn	Cử nhân	Giảng viên	
51	Nguyễn Thành Việt	Cử nhân	Giảng viên	
52	Nguyễn Thị Diễm Thương	Cử nhân	Giảng viên	
53	Nguyễn Thanh Bình	Thạc sĩ	Giảng viên	
54	Trần Hữu Nam	Thạc sĩ	Giảng viên	
55	Nguyễn Ngọc Hà	Thạc sĩ	Giảng viên	
56	Nguyễn Văn Cường	Thạc sĩ	Giảng viên	
57	Nguyễn Thế Lợi	Thạc sĩ	Giảng viên	
58	Nguyễn Văn Lợi	Cử nhân	Giảng viên	Học viên cao học
59	Trần Vương Phuong Loan	Thạc sĩ	Giảng viên	
60	Nguyễn Lê Minh Huy	Thạc sĩ	Giảng viên	
61	Cao Thái Ngọc	Thạc sĩ	Giảng viên	
62	Nguyễn Quang Tùng	Cử nhân	Giảng viên	

Khoa GDTC hiện có 89 cán bộ viên chức lao động, trong đó: 62 Giảng viên, 27 cán bộ hành chính; (04 Tiến sĩ, 31 Thạc sĩ, 05 Nghiên cứu sinh, 11 học viên cao học đang theo học trong và ngoài nước). Đội ngũ giảng viên TDTT có trình độ chuyên môn cao.

#### IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Sân bãi, trang thiết bị, dụng cụ, phòng học, phòng làm việc, thư viện đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, học tập, tập luyện.

#### V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

##### 1. Đối với quá trình giảng dạy

- Tuyệt đối đảm bảo an toàn trong giảng dạy, học tập.

- Sử dụng hợp lý lượng vận động với từng loại đối tượng, vận dụng có hiệu quả nguyên tắc đối xử cá biệt trong quá trình thực hiện chương trình.
- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong từng học kỳ để điều chỉnh lượng vận động và phương pháp giảng dạy cho phù hợp.
- Đảm bảo cân đối giữa trang bị kiến thức và kỹ năng vận động.
- Đảm bảo dụng cụ, sân bãi, phương tiện giảng dạy cho quá trình học tập.
- Tổ Đào tạo Khoa học HTQT của Khoa Giáo dục thể chất có trách nhiệm hướng dẫn cho người học đăng ký các học phần trong chương trình đào tạo phù hợp để tổ chức lớp học hợp lý.

## 2. Đối với sinh viên

- Thực hiện nghiêm túc yêu cầu trong giờ học chính khoá và tích cực tham gia tập luyện TDTT ngoại khoá.
- Phải tham gia các buổi học đầy đủ, tự giác, tích cực trong quá trình học tập.
- Đảm bảo yêu cầu về trang phục học tập môn học giáo dục thể chất.

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ**

KT. GIÁM ĐỐC

**KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

KHOA TRƯỞNG



sg

ThS. Bùi Hoàng Phúc

PGS.TS Lê Văn Anh